

# TÍNH CHÍNH XÁC TƯƠNG ĐỐI TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

 Nguyễn Thị Chinh Lam\*

Nhận: 10/7/2021

Biên tập: 17/7/2021

Duyệt đăng: 24/7/2021

Theo Luật Kế toán năm 2015, báo cáo tài chính (BCTC) là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được trình bày theo biểu mẫu quy định tại chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán. Hệ thống kế toán của đơn vị nếu chia theo phạm vi cung cấp thông tin thì chia làm 2 loại: kế toán tài chính và kế toán quản trị, BCTC là kết quả của kế toán tài chính. Khác với yêu cầu thông tin khi cung cấp của loại hình kế toán quản trị là nhanh chóng và mức độ chính xác có thể tương đối với thông tin do kế toán tài chính cung cấp thì độ chính xác yêu cầu rất cao, vì phạm vi ảnh hưởng do các thông tin này là khá rộng. Trên thực tế, có nhiều văn bản pháp luật quy định về mục đích, yêu cầu, hướng dẫn cách lập, trình bày thông tin trên BCTC nhằm đảm bảo phản ánh chính xác tình hình tài chính của đơn vị. Tuy nhiên, liệu có phải tất cả các thông tin trên BCTC có chính xác tuyệt đối?

According to Clause 1, Article 3 of the 2015 Accounting Law, a financial statement is an economic and financial information system of an accounting unit presented according to the form specified in accounting standards and accounting regime. The system of an accounting unit is divided according to the scope of information provision, it is divided into two types: Financial accounting and management accounting; the financial statement is the result of financial accounting. Different from the information required by the management accounting type, which is quick and accurate to the extent possible, with the information provided by financial accounting, the required accuracy is very high. Because the range of influence do the information is quite wide. In fact, there are many legal documents that stipulate objectives, requirements, and guide how to set up and present information on financial statements to ensure that it reflects the main situation of a financial unit. However, all information on the financial statements are absolutely accurate?

**X**ét riêng cho hệ thống BCTC doanh nghiệp (DN), hiện nay ngoại trừ trường hợp DN siêu nhỏ, hệ thống hợp tác xã, các DN được lựa chọn chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hoặc theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, cụ thể các BCTC đi theo các chế độ kế toán gồm:

Mặc dù về hình thức, nội dung của các BCTC theo các chế độ kế toán có những điểm khác nhau. Tuy nhiên, vẫn đáp ứng mục đích chung là phản ánh về tình hình tài chính của đơn vị.

Hệ thống các văn bản của Nhà nước về lập, trình bày BCTC cũng khá đầy đủ, cụ thể: (Bảng 1)

- CMKT số 21: trình bày BCTC.

- CMKT số 23: các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Bảng 1**

Thông tư 200/2014/TT- BTC	Thông tư 133/2016/TT-BTC
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bảng cân đối kế toán</li> <li>• Báo cáo kết quả kinh doanh</li> <li>• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</li> <li>• Thuyết minh BCTC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Báo cáo tình hình tài chính</li> <li>• Báo cáo kết quả kinh doanh</li> <li>• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</li> <li>• Thuyết minh BCTC</li> </ul>

**Bảng 2**

Bảng cân đối kế toán	
Tài sản	Nguồn vốn
A. Tài sản ngắn hạn	C. Nợ phải trả (Nợ ngắn hạn + Nợ dài hạn)
B. Tài sản dài hạn	D. Vốn chủ sở hữu

- CMKT số 24: báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- CMKT số 25: BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con.

- CMKT số 27: BCTC giữa niên độ.

Luật Kế toán năm 2015, tại khoản 1 Điều 3 BCTC.

- Thông tư 133/2016/TT-BTC: Chương III BCTC (Điều 69 - 90).

\*Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

**Bảng 3**

**PHỤ LỤC I**  
**KHUNG THỜI GIAN TRÍCH KHẤU HAO**  
**CÁC LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC  
ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính)

Danh mục các nhóm tài sản cố định	Thời gian trích khấu hao tối thiểu (năm)	Thời gian trích khấu hao tối đa (năm)
<b>A - Máy móc, thiết bị động lực</b>		
1. Máy phát động lực	8	15
2. Máy phát điện, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, hỗn hợp khí	7	20

**Bảng 4**

Theo hướng dẫn	Phục vụ cho quyết toán thuế TNDN	Chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh bị ảnh hưởng
Chi phí sản xuất vượt định mức được hạch toán vào TK 632.	Đưa vào TK 8111 - chi phí không được trừ (mở theo dõi riêng).	Giá vốn hàng bán
Chi phí quản lý DN, bán hàng không có chứng từ, chứng từ không hợp lý vẫn phải hạch toán TK 641,642.	Đưa vào TK 8111 - chi phí không được trừ (mở theo dõi riêng).	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.
Chi phí lãi vay khi vốn chưa góp đủ/ tương ứng với phần vốn góp thiếu vẫn xác định là chi phí tài chính trên TK 635.	Đưa vào TK 8111 - chi phí không được trừ (mở theo dõi riêng).	Chi phí hoạt động tài chính/Chi phí lãi vay.
<b>Khi làm tờ khai 03 TNDN phải lọc chi phí theo nội dung = chi tiêu B4 trên tờ khai</b>	<b>Khi làm tờ khai 03 TNDN: TK 8111 = chi tiêu B4 trên tờ khai</b>	

- Thông tư 200/2014/TT-BTC: Chương III BCTC (Điều 97 - 115).

Trong các văn bản trên, một trong những mục tiêu hướng tới là đảm bảo tính chính xác của thông tin trình bày trên BCTC, tính chính xác này được thể hiện dưới các góc độ sau:

- Thông tin trình bày trên BCTC phải đầy đủ, khách quan, không có sai sót để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của DN.

- Thông tin tài chính phải thích hợp để giúp người sử dụng BCTC dự đoán, phân tích và đưa ra các quyết định kinh tế.

- Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu. Thông tin được coi là trọng yếu, trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm ảnh hưởng tới quyết định của người sử dụng thông tin tài chính của đơn vị báo cáo. Tính trọng yếu dựa vào bản chất và

độ lớn, hoặc cả hai, của các khoản mục có liên quan được trình bày trên BCTC của một đơn vị cụ thể.

- Thông tin tài chính phải đảm bảo có thể kiểm chứng, kịp thời và dễ hiểu.

*Trong các tình huống sau đây, cách thức xử lý số liệu của kế toán sẽ làm thay đổi giá trị của các chỉ tiêu trên BCTC DN.*

*Trước hết là bảng cân đối kế toán (Bảng 2)*

Đây là BCTC phản ánh về tài sản và nguồn vốn của đơn vị, tại 1 thời điểm nhất định.

Trong các chỉ tiêu chi tiết của bảng cân đối kế toán, có nhiều chỉ tiêu được mô tả thêm tính chất như: phải thu của khách hàng ngắn hạn, phải thu của khách hàng dài hạn, phải trả người bán ngắn hạn, phải trả người bán dài hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính dài hạn... Tính chất ngắn hạn và dài hạn được phân định là trên hay dưới 12 tháng, kể từ lúc lập BCTC đến lúc kết thúc hoặc đến thời điểm thanh toán, thu hồi. Đây là điểm mới trong các chế độ kế toán hiện hành, các chế độ kế toán trước dựa vào thời điểm bắt đầu là thời điểm xuất hiện đối tượng.

Tính chính xác của các chỉ tiêu ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi những lựa chọn, chính sách kế toán của DN. Với quy định hiện hành về thời gian phân bổ các yếu tố đầu vào sẽ cho DN nhiều cơ hội lựa chọn đảm bảo phù hợp với đặc điểm đơn vị. Cụ thể, Thông tư 96/2015/TT-BTC tại Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1

Bảng 5

<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>94.667</b>	<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>535.000</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	40.000	1. Nợ ngắn hạn	35.000
2. Đầu tư ngắn hạn	0	<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	30.000
3. Phải thu ngắn hạn	3.000	<i>Người mua trả trước ngắn hạn</i>	5.000
4. Hàng tồn kho	45.000	<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	6.667	2. Nợ dài hạn	500.000
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	6.667	<i>Phải trả người bán dài hạn</i>	0
		<i>Người mua trả trước dài hạn</i>	0
		<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	500.000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>1.020.000</b>	<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>579.667</b>
1. Tài sản cố định	1.000.000	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000
2. Phải thu dài hạn	20.000	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	79.667
3. Tài sản dài hạn khác	0		
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	0		
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.114.667</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>1.114.667</b>
<b>Hệ số thanh toán hiện thời</b>	<b>2.70</b>		

Bảng 6

<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>88.000</b>	<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>535.000</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	40.000	1. Nợ ngắn hạn	235.000
2. Đầu tư ngắn hạn	0	<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	30.000
3. Phải thu ngắn hạn	3.000	<i>Người mua trả trước ngắn hạn</i>	5.000
4. Hàng tồn kho	45.000	<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	200.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	0	2. Nợ dài hạn	300.000
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>		<i>Phải trả người bán dài hạn</i>	0
		<i>Người mua trả trước dài hạn</i>	0
		<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	300.000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>1.028.750</b>	<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>581.750</b>
1. Tài sản cố định	1.000.000	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000
2. Phải thu dài hạn	20.000	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	81.750
3. Tài sản dài hạn khác	8.750		
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	8.750		
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.116.750</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>1.116.750</b>
<b>Hệ số thanh toán hiện thời</b>	<b>0,3745</b>		

Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau: “Đối với tài sản là công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển... không đáp ứng đủ điều kiện xác định là tài sản cố định theo quy định thì chi phí mua tài sản nêu trên được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng tối đa không quá 3 năm.”

*Ví dụ 1:* đơn vị mua máy tính cho phòng kế toán với giá 15tr (chưa có thuế GTGT 10%) và đưa vào sử

dụng ngày 01/03/2020.

*Trường hợp 1:* đơn vị lựa chọn là 18 tháng: đến ngày 31/12/2020, khoản phân bổ máy tính còn 8 tháng, kế toán sẽ xếp giá trị còn lại chưa phân bổ vào chi tiêu chi phí trả trước ngắn hạn (tài sản ngắn hạn khác/TSNH).

*Trường hợp 2:* đơn vị lựa chọn là 24 tháng: đến ngày 31/12/2020, khoản phân bổ máy tính còn 14 tháng, kế toán sẽ xếp giá trị còn lại

chưa phân bổ vào chi tiêu chi phí trả trước dài hạn (tài sản dài hạn khác/TSDH).

Như vậy, cùng 1 tài sản như nhau khi đưa vào sử dụng tại 2 đơn vị (có thể đặc điểm cũng giống nhau) nhưng lại được phản ánh khác nhau khi lập BCTC.

Tại Phụ lục 1 Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính có quy định thời gian trích khấu hao tài sản cố định, trong đó có mức tối

thiếu và mức thời gian tối đa để các DN lựa chọn. (Bảng 3)

**Ví dụ 2:** đơn vị mua thiết bị sản xuất với giá 100tr, vào ngày 01/02/2015 (khung lựa chọn là 5 - 10 năm).

**Trường hợp 1:** đơn vị lựa chọn thời gian trích khấu hao tài sản là 6 năm, đến ngày 31/12/2020, tài sản còn 1 tháng cần trích khấu hao.

**Trường hợp 2:** đơn vị lựa chọn thời gian trích khấu hao tài sản là 8 năm, đến ngày 31/12/2020, tài sản còn 25 tháng trích khấu hao.

Theo quy định về trình bày tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán thì cả 2 trường hợp trên đều xếp vào mảng tài sản dài hạn/tài sản cố định.

Như vậy, với đối tượng là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán lại không dựa vào tiêu chí còn bao nhiêu thời gian để phân bổ, xử lý đối tượng là trên hay dưới 12 tháng, với tài sản cố định thì luôn xếp vào là tài sản dài hạn.

**Ví dụ 3:** DN vay 1 khoản vay là 600 triệu, thời hạn là 3 năm, theo hợp đồng tín dụng thỏa thuận với bên cho vay DN sẽ thực hiện trả nợ gốc theo tiến độ 6 tháng 1 lần (100 triệu/1 lần). Khoản vay phát sinh vào ngày 01/05/2020, đơn vị thanh toán lần 1 vào ngày 31/10/2020. Đến ngày 31/12/2020, còn dư nợ 500 triệu.

Trong trường hợp này, nếu kế toán của đơn vị xác định vào thời gian đáo hạn của khoản vay, thì phần dư nợ 500 triệu sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn (nợ dài hạn).

Tuy nhiên, nếu xét kỹ về hợp đồng (điều khoản về tiến độ trả nợ gốc) ta thấy, dòng thanh toán của khoản nợ này như sau: khoản thanh toán lần 2 sẽ phát sinh vào ngày

30/04/2021 và khoản thanh toán lần 3 sẽ phát sinh vào ngày 31/10/2021. Như vậy, phải tách 200 triệu nợ ngắn hạn/vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và phần còn lại 300 triệu nợ dài hạn/vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Tình huống này hoàn toàn có thể phát sinh với các khoản công nợ khác như: phải thu KH, phải trả người bán, mượn tiền...

#### **Tiếp tục khảo sát các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh**

Đây là báo cáo cho biết kết quả hoạt động của đơn vị sau 1 thời gian hoạt động (1 quý, 6 tháng, 1 năm). Theo yêu cầu khi lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập DN (03-TNDN), kế toán phải lập Phụ lục 03-1A về kết quả kinh doanh trước thuế, từ chỉ tiêu này kế toán thực hiện điều chỉnh các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế thu nhập DN. Trong đó, trọng tâm là vấn đề kế toán xác định các khoản chi phí không được trừ (chỉ tiêu B4 trên tờ khai 03TNDN), theo đúng trình tự kế toán thì các khoản chi phí này khi phát sinh vẫn được hạch toán theo đúng chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành đến khi làm quyết toán thì thực hiện tổng hợp nhưng để theo dõi nhanh chóng và thuận tiện kế toán mở luôn tài khoản chi tiết của TK 811 - Chi phí khác. (Bảng 4)

(ví dụ: TK 8111 - chi phí không được trừ, TK 8112 - chi phí hoạt động khác). Đến thời điểm kết thúc niên độ, khi quyết toán thì lấy luôn số liệu trên tài khoản chi tiết này.

Với những ảnh hưởng như trên khi người sử dụng BCTC để phân tích, đưa ra những nhận xét đánh giá và đưa ra các quyết định cũng sẽ bị ảnh hưởng. Có thể minh họa bằng con số cụ thể:

**Trường hợp 1:** đơn vị áp dụng phân bổ máy tính là 18 tháng và không phân tích thời hạn thanh toán với khoản vay còn dư nợ 500 triệu, sẽ có bảng cân đối kế toán và hệ số thanh toán hiện thời như sau: (Bảng 5)

**Trường hợp 2:** đơn vị áp dụng phân bổ máy tính là 24 tháng và thực hiện phân tích thời hạn thanh toán với khoản vay còn dư nợ 500 triệu, sẽ có bảng cân đối kế toán và hệ số thanh toán hiện thời: (Bảng 6)

So sánh 2 trường hợp trên, có thể thấy về hoạt động của đơn vị không có sự khác biệt, tuy nhiên dựa vào sự lựa chọn, cách thức xử lý dữ kiện khác nhau thì tình hình tài chính trên báo cáo sẽ có sự khác biệt.

#### **Kết luận**

Đáp ứng với sự phát triển của nền kinh tế, những người làm kế toán tại các DN đã có những thay đổi về nhận thức và tư duy, họ đã không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ, cập nhật thường xuyên những chính sách, văn bản mới trong lĩnh vực. Điều này sẽ có tác dụng rất lớn đến chất lượng thông tin trên BCTC. Tuy nhiên, cũng cần thừa nhận nội dung công việc của kế toán tại các đơn vị chịu sự ảnh hưởng rất lớn bởi yêu cầu kiểm tra số liệu từ cơ quan quản lý (cụ thể là cơ quan thuế). Do vậy, có thể do thói quen hoặc do chưa nắm rõ bản chất của nghiệp vụ mà vô hình chung kế toán đã có những xử lý số liệu làm giảm đi tính chính xác trên BCTC. ■

#### **Tài liệu tham khảo**

1. "Chuẩn mực Kế toán Việt Nam" số 21, 23, 24, 25, 27.
2. "Luật Kế toán 88/2015/QH1".
3. "Chế độ kế toán DN" Thông tư 200/2014/TT-BTC.
4. "Chế độ kế toán DN vừa và nhỏ" Thông tư 133/2016/TT-BTC.